

Bản án số: 22/2018/HS-PT

Ngày: 17-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Thanh Nguyễn;

2. Bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 656/2017/TLPT-HS ngày 08/11/2017 đối với bị cáo Trần Thị X do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự số 301/2017/HS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị X (Tên gọi khác: Mến); Sinh năm 1986, tại tỉnh K; Nơi cư trú: 117/13/8 đường R1, phường R2, Thành phố R, tỉnh K; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông A (Chết) và bà A1 (Chết); có chồng là ông A3 (1988) và có 06 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014); Tiền sự: không; Tiền án: không;

Nhân thân:

- Ngày 09/4/2013 Tòa án nhân thành phố R, tỉnh K xử phạt 12 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số: 58/2013/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/12/2013.

- Ngày 16/01/1999 bị Ủy ban nhân dân tỉnh K đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 12 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản công dân”.

- Ngày 09/8/2001 bị Ủy ban nhân dân thị xã R đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản công dân”.

- Ngày 14/3/2010 Công an huyện V, tỉnh B bắt về hành vi: “Cướp giật tài sản”. Ngày 16/3/2010 Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B ra quyết định số 01/KSĐT hủy bỏ quyết định tạm giữ. Ngày 16/3/2010 Công an huyện V ra Quyết định số 02 trả tự do.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Hà Ngọc Tuyền, luật sư Văn phòng luật sư Hà Tuyền, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/6/2016, Nguyễn Thị M rủ được Trần Thị X, Lê Hạnh Q đồng ý cùng nhau đến địa bàn chợ Bình Điền, Quận 8 dàn cảnh móc trộm tiền người bị hại. Khoảng 6 giờ ngày 12/6/2016 thì M, X và Q gặp nhau ở Bến xe Miền Tây, rồi cùng đi thuê Nhà nghỉ Phúc Đức tại số 20 Nguyễn Trọng Trí, phường An Lạc A, Quận Bình Tân nghỉ ngơi. Sau đó cả 3 đi xe ôm tới lòng D, chợ Bình Điền, Phường 7, Quận 8. M phân công Q, X làm nhiệm vụ cảnh giới, M thực hiện việc móc túi. Khi vào trong chợ, M phát hiện chị Lê Thị S đang mua cá, trong túi áo khoác bên trái chị S có 1 chiếc bóp nên cả 3 áp sát chị S; X, Q làm nhiệm vụ cảnh giới đánh lạc hướng, M trực tiếp móc trộm chiếc bóp của chị S. Sau khi phát hiện bị mất chiếc bóp chị S tri hô, M liền đưa chiếc bóp cho Q và X tẩu thoát, riêng M bị quần chúng nhân dân bắt giữ giao Công an Phường 7, Quận 8 xử lý. Ngày 13/6/2016, Công an Phường 7, Quận 8 bắt được X tại nhà trọ Phúc Đức.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 8, Nguyễn Thị M và Trần Thị X đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, chị S khai nhận số tiền bị mất là 12.750.000 đồng. Riêng M và X khai chỉ trộm trong bóp số tiền 8.200.000 đồng.

Ngày 16/03/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 8 làm việc được với Q, Q đã khai nhận toàn bộ hành vi cùng với M và X “Trộm cắp tài sản” như trên. Đối với số tiền trộm cắp 8.200.000 đồng, Q khai trên đường bỏ chạy đã bị rơi mất, không thu hồi được. Ngày 17/03/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 8 tiếp tục khởi tố bị can đối với Lê Hạnh Q về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 301/2017/HS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị X phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Thị X 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị M 03 năm tù, bị cáo Lê Hạnh Q 02 năm 06 tháng tù; tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/9/2017, bị cáo Trần Thị X có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Trần Thị X giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng mức án sơ thẩm xử phạt bị cáo X là nặng và cho rằng bị cáo không có sự ăn năn, chuán bị từ trước nên không phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138. Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có tiền án, áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là không phù hợp bởi lẽ căn cứ Điều 70, Điều 73 Bộ luật Hình sự 2015 quy định thì bị cáo đã đương nhiên được xóa án tích. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm Điều 47; Điều 60 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, nhận định bị cáo có sự ăn năn từ trước nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo X theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Theo quy định tại Điều 73 Bộ luật Hình sự 2015, bị cáo X đã đương nhiên được xóa án tích, tuy nhiên nhân thân bị cáo xấu, đã trộm cắp nhiều lần, do đó lần phạm tội này cần xử phạt nghiêm minh. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 02 năm 06 tháng tù là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị X trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 12/6/2016, do đã ăn năn từ trước, bị cáo Trần Thị X cùng đồng bọn là Nguyễn Thị M, Lê Hạnh Q đã cùng nhau đến lòng D,

chợ Bình Điền, Phường 7, Quận 8 tìm người sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi phát hiện bà Lê Thị S đang mua cá, trong túi áo khoác bên trái chị S có 1 chiếc bóp thì cả ba áp sát bà S, bị cáo X cùng Q làm nhiệm vụ cảnh giới đánh lạc hướng rồi M trực tiếp móc trộm chiếc bóp của bà S thành công. Hành vi của bị cáo là có chủ đích, có sự bàn bạc trước rồi cùng đồng bọn lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác như trên, là đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo chỉ phạm tội theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Căn cứ Điều 70, Điều 73 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 thì bị cáo đã được xóa án tích. Căn cứ Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 đây là điều khoản có lợi cho bị cáo, do đó Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009 cho bị cáo là chưa chính xác.

[4] Về hình phạt của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo X xin hưởng án treo và trình bày bản thân là lao động chính trong gia đình, có đông con và con còn nhỏ. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng cho bị cáo là không chính xác, nhưng đã cân nhắc đến nhân thân cũng như tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tuyên phạt bị cáo mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng là đã phù hợp. Xét thấy bị cáo X không trình bày thêm được tình tiết nào mới để xem xét cho bị cáo, bản thân bị cáo hiện đang không đi làm, thu nhập thực tế nuôi con là từ chồng bị cáo, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị X và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị X** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị X** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Bị cáo phải nộp 200.000 (đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 8; (1)
- P.PC53 – CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- THA Quận 8; (1)
- TAND Quận 8; (1)
- Công an Quận 8; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ (19). (4)

Phạm Uyên Thy